

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

“V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Lưu Thị V trình bày:*

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh D yêu nhau từ năm 2012 và có 01 con chung là cháu Lưu Xuân P (sau này thay đổi họ theo anh D thành Nguyễn Văn P, sinh ngày 20/5/2013. Đến năm 2018, sau khi anh chị có con chung thứ hai là cháu Lưu Thu P (sau này thay đổi họ thành Nguyễn Thu P, sinh ngày 06/8/2018), đến ngày 24/9/2018 chị và anh D mới đi đăng ký kết hôn nhưng giấu hai gia đình, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Yên Dũng. Trước khi đăng ký kết hôn anh chị có thời gian tìm hiểu, yêu nhau nhưng không tổ chức cưới xin theo phong tục tập quán.

Sau khi đăng ký kết hôn xong, chị và anh D không về chung sống cùng nhau, chị không về nhà chồng sống, lý do là gia đình nhà anh D không thừa nhận chị là con dâu, do anh chị yêu nhau nên tự đi đăng ký kết hôn. Chị vẫn ở cùng bố mẹ đẻ chị cho đến nay, còn anh D ở nhà anh D. Tuy đã kết hôn với chị nhưng anh D không có trách nhiệm gì với chị và các con, thỉnh thoảng mới qua thăm chị và các con, gia đình anh D cũng chỉ thỉnh thoảng cho các con chị sữa, còn ngoài ra không có trách nhiệm gì. Anh D thường xuyên chơi bời, có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ, không chịu làm ăn, không có việc làm ổn định, hay đàn đúm với những người bạn xấu và đánh nhau. Khoảng năm 2013, anh D có hành vi vi phạm pháp luật là “Trộm cắp tài sản” và bị xử lý hình sự, đến năm 2015 chấp hành án xong. Đến năm 2018, sau khi chị sinh con thứ 2 được mấy tháng thì anh Dương tiếp tục có hành vi vi phạm pháp luật và bị xử lý hình sự về tội “Cố ý gây thương tích”, bị Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xử phạt 03 (ba) năm tù, hiện nay anh D đang chấp hành án tại Trại giam Đồng Vương, huyện Yên Thế, thuộc đội B, phân trại số H. Thời gian anh D chấp hành án tại trại giam Đồng Vương, chị thỉnh thoảng đưa 02 con lên thăm, còn giữa hai vợ chồng đến nay không còn tình cảm gì, và thực tế anh chị cũng không có thời gian chung sống với nhau, đến nay chị không thể sống như vậy được nữa. Trước khi làm đơn xin ly hôn, chị có thông báo cho anh D biết và anh D đồng ý. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị và anh Nguyễn Văn D.

+ *Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung là Lưu Xuân P và Lưu Thu P, ban đầu chị khai sinh cho hai con theo họ của chị nhưng sau này gia đình anh D thừa nhận cháu nên chị đi bổ sung hộ tịch theo họ của anh D thành Nguyễn Văn P, sinh ngày

20/5/2013 và Ngự Thu P, sinh ngày 06/8/2018. Hiện nay cả 02 con đang ở cùng chị từ khi sinh đến nay.

Nay ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị là làm thuê cho Spa Đình Trần, thu nhập trung bình từ 7.000.000đồng – 9.000.000đồng/tháng.

+ *Về tài sản chung, riêng*: Vợ chồng chưa có ngày nào chung sống cùng nhau, không tạo dựng được tài sản chung gì, tài sản riêng không có. Nay ly hôn chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ *Về công nợ, ruộng đất nông nghiệp*: Chị và anh D không có gì vướng mắc nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* *Tại biên bản lấy lời khai, anh Ngự Văn D trình bày*:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Anh và chị V yêu nhau từ năm 2011 và có một con chung là cháu Lưu Xuân P (nay đổi thành Ngự Văn P, sinh ngày 20/5/2013). Đến năm 2018, anh chị có tiếp con chung thứ hai là cháu Lưu Thu P, sinh ngày 06/8/2018, nay đổi thành Ngự Thu P. Đến ngày 24/9/2018, anh và chị V đi đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Yên Dũng. Tuy nhiên, anh chị chưa tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương.

Sau khi đăng ký kết hôn xong, anh và chị V không về chung sống cùng nhà, anh ở nhà anh, còn chị V vẫn ở nhà chị V, lý do là mẹ anh không chấp nhận chị V là con dâu nên không tổ chức cưới cho anh chị. Tuy kết hôn nhưng chỉ là trên giấy tờ còn thực chất anh chị không sống cùng nhà, không có sự quan tâm lẫn nhau. Anh không có việc làm ổn định và từng bị xử lý hình sự về tội “Trộm cắp tài sản” năm 2013, đến năm 2015 chấp hành án xong. Đến năm 2018, sau khi anh chị có con thứ hai thì anh tiếp tục vi phạm pháp luật và bị xử lý hình sự về tội “Cố ý gây thương tích” và bị Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng xử phạt 03 năm tù. Hiện nay anh đang chấp hành án tại Đội B, phân trại số H, trại giam N, Cục C10, Bộ Công an, đến tháng 5 năm 2022 anh chấp hành án xong. Thực tế anh chị không có thời gian chung sống với nhau nhưng tình cảm vợ chồng vẫn còn. Nay chị V xin ly hôn anh không đồng ý, trường hợp chị V kiên quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Ngự Văn P, sinh ngày 20/5/2013 và Ngự Thu P, sinh ngày 06/8/2018. Hiện nay hai con đều sống cùng chị

V và do chị V nuôi dưỡng từ bé. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn anh có nguyện vọng mỗi người nuôi dưỡng 01 con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và ruộng đất nông nghiệp*: Anh xác định vợ chồng không có gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 09/12/2021, Tòa án tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, chị V và anh D đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập họp lần thứ hai nhưng vắng mặt tại Tòa án không có lý do, nên đề nghị HĐXX xét xử vụ án theo thủ tục chung.

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lưu Thị V được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

Về con chung: Giao cho chị Lưu Thị V trực tiếp nuôi hai con chung là Nguyễn Văn P, sinh ngày 20/5/2013 và Nguyễn Thu P, sinh ngày 06/8/2018.

Về cấp dưỡng nuôi: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Lưu Thị V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân

huyện Yên Dũng và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Đối với nguyên đơn là chị Lưu Thị V đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Nguyễn Văn D đã có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Chị Lưu Thị V và anh Nguyễn Văn D đều có địa chỉ cư trú tại huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

[3] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Chị Lưu Thị V có đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Văn D nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

[4] *Về nội dung:*

[4.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lưu Thị V và anh Nguyễn Văn D đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Yên Dũng vào ngày 24/9/2018 trên cơ sở tự nguyện. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh D là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, chị V và anh D không tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và thực tế anh chị chưa có thời gian chung sống cùng nhau. Theo chị V thì anh D không có trách nhiệm gì với chị và các con, thỉnh thoảng mới qua thăm chị và các con, gia đình anh D cũng chỉ thỉnh thoảng cho các con chị sữa, còn ngoài ra không có trách nhiệm gì. Anh D thường xuyên chơi bời, có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ, không chịu làm ăn, không có việc làm ổn định, hay đàn đúm với những người bạn xấu và đánh nhau. Khoảng năm 2013, anh D có hành vi vi phạm pháp luật là "Trộm cắp tài sản" và bị xử lý hình sự, đến năm 2015 chấp hành án xong. Đến năm 2018, sau khi chị sinh con thứ 2 được mấy tháng thì anh D tiếp tục có hành vi vi phạm pháp luật và bị xử lý hình sự về tội "Cố ý gây thương tích", bị Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xử phạt 03 (ba) năm tù, hiện nay anh D đang chấp hành án tại đội B, phân trại số H, Trại giam N, Cục C10, Bộ Công an. Chị V xác định tình cảm vợ chồng đã hết và đề nghị được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

Theo anh D thì sau khi đăng ký kết hôn xong, anh và chị V không về chung sống cùng nhà, anh ở nhà anh, còn chị V vẫn ở nhà chị V, lý do là mẹ tôi không chấp

nhận chị V là con dâu, không tổ chức cưới cho anh chị. Tuy kết hôn nhưng chỉ là trên giấy tờ còn thực chất anh chị không sống cùng nhà, không có sự quan tâm lẫn nhau nhưng tình cảm vợ chồng vẫn còn. Nay chị V xin ly hôn anh không đồng ý, trường hợp chị V kiên quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương: Ông Lê Ngọc Q- Trưởng thôn Đ, xã T cho biết: Chị V và anh D đã có hai con chung nhưng chưa tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, còn anh chị có đăng ký kết hôn ở Ủy ban hay không thì ông không biết. Bản thân anh D không có công ăn việc làm ổn định, hay đàn đúm với những người bạn xấu và hiện đang phải đi chấp hành án, bản thân anh chị có mâu thuẫn gì thì ông không biết. Nay chị V xin ly hôn anh D, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Văn S là bố đẻ của anh Nguyễn Văn D cho biết: Chị V và anh D yêu nhau từ năm 2012 và đã có hai con chung nhưng chưa tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, còn anh chị đã đi đăng ký kết hôn hay chưa thì ông không biết, giữa chị V và anh D có mâu thuẫn gì hay không thì ông không được biết. Nay chị V xin ly hôn với anh D ông đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh chị.

Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị V và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho chị V được ly hôn với anh D là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] *Về con chung*: Chị V và anh D có hai con chung là Nguyễn Văn P, sinh ngày 20/5/2013 và Nguyễn Thu P, sinh ngày 06/8/2018. Hiện nay con chung đang ở với chị V, con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Vợ chồng ly hôn, chị V đề nghị được tiếp tục nuôi con chung và anh D cũng đề nghị được nuôi một con chung.

Xét thấy: Đề nghị của chị V và anh D là phù hợp đạo đức, phù hợp pháp luật, tuy nhiên hiện nay anh D đang đi chấp hành án phạt tù tại Trại giam N nên không thể trực tiếp nuôi con chung. Do vậy, cần giao hai con chung là Nguyễn Văn P, sinh ngày 20/5/2013 và Nguyễn Thu P, sinh ngày 06/8/2018 cho chị V nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 luật hôn nhân và gia đình; sau khi vợ chồng ly hôn anh D

được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh D thực hiện quyền này là phù hợp với các điều 58, 82 luật hôn nhân gia đình.

[4.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Do chị V và anh D không yêu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.4] *Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp*: Chị V và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Lưu Thị V được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

2. *Về con chung*: Giao cho chị Lưu Thị V trực tiếp nuôi hai con chung là Nguyễn Văn P, sinh ngày 20/5/2013 và Nguyễn Thu P, sinh ngày 06/8/2018.

Về cấp dưỡng nuôi: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh D có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Tuy nhiên, người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì lợi ích của con chung, Tòa án có thể thụ lý giải quyết vụ án thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc vụ án yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu và theo quy định của pháp luật.

3. *Về án phí:* Chị Lưu Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0009292 ngày 28/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng. Xác nhận chị V đã nộp đủ án phí.

4. *Về quyền kháng cáo:* Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND xã T, huyện Yên Dũng;
- Lưu HS, Vp.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Oanh

